CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM (VNST)
Phòng thử nghiệm Nghiên cứu & Phát triển Kỹ thuật Môi trường (VILAS 772 – VIMCERTS 121)
Địa chỉ: Tòa nhà VNST, BTSL2-2 KĐT mới Tân Tây Đô, Xã Tân Lập, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội
Tel: 024.22463777 Email: vnst@vnst-jsc.vn Web: vnst-jsc.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM (VNST)

Phòng thử nghiệm Nghiên cứu & Phát triển Kỹ thuật Môi trường (VILAS 772 – VIMCERTS 121)
Địa chỉ: Tòa nhà VNST, BTSL2-2 KĐT mới Tân Tây Đô, Xã Tân Lập, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội
Tel: 024.22463777 Email: vnst@vnst-jsc.vn Web: vnst-jsc.vn

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC

Số: 01076/2024/PKQ (24.717)

1. Đơn vị quan trắc : Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam
2. Đơn vị được quan trắc : Công ty TNHH Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Hòa Phát Hưng Yên
3. Địa chỉ : KCN Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
4. Địa điểm quan trắc : KCN Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
5. Ngày nhận mẫu: : 22/06/2024
6. Thông tin về các mẫu :

TT	Mã hóa mẫu	Tên mẫu	Loại mẫu	Tọa độ	Ngày quan trắc
1	NM2406.0020	031...NM001/Điểm nước sông Bún - Nơi tiếp nhận nước thải của KCN	Nước mặt	X=2317292 Y=0555117	21/06/2024
2	NM2406.0021	031...NM002/Mẫu nước Sông Bần cách vị trí nhập lưu giữa sông Bún và sông Bần 100m về phía hạ lưu	Nước mặt	X=2316744 Y=0556218	21/06/2024
3	NT2406.0180	031...NT001/Mẫu nước thải trước hệ thống xử lý	Nước thải	X=2317206 Y=0555165	21/06/2024
4	NT2406.0181	031...NT002/Nước thải tại vị trí cửa xả nước thải KCN vào sông Bún (Nước thải tại vị trí cửa xả thải sau xử lý từ nhà máy xử lý nước thải tập trung)	Nước thải	X=2317292 Y=0555117	21/06/2024

7. Thông tin về kết quả quan trắc: xem tiếp ở các trang tiếp theo.

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2024

NGƯỜI LẬP PHIẾU	TRƯỞNG PHÒNG	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Trịnh Thị Hạnh	Trần Thị Phương Hoa	Lý Hồng Quân

1. *Mẫu quan trắc là mẫu mà VNST chịu trách nhiệm thực hiện đo đạc, lấy mẫu và phân tích, ngoại trừ các chỉ tiêu VNST sử dụng đơn vị thầu phụ thực hiện (nếu có);*
2. *Kết quả quan trắc trong phiếu này thể hiện cho mẫu tại thời điểm lấy mẫu, đo đạc và phân tích;*
3. *Thông tin về mẫu, khách hàng và ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) được ghi nhận theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Thời gian lưu mẫu quan trắc là 14 ngày, kể từ ngày nhận mẫu hoặc mẫu được lưu theo thời gian đã thỏa thuận với khách hàng;*
5. *Kết quả trong phiếu này không được sao chép dưới mọi hình thức khi chưa được sự đồng ý của "Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D)".*

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM (VNST)
Phòng thử nghiệm Nghiên cứu & Phát triển Kỹ thuật Môi trường (VILAS 772 – VIMCERTS 121)
Địa chỉ: Tòa nhà VNST, BTSL2-2 KĐT mới Tân Tây Đô, Xã Tân Lập, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội
Tel: 024.22463777 Email: vnst@vnst-jsc.vn Web: vnst-jsc.vn

KẾT QUẢ QUAN TRẮC

(Mã hóa mẫu: **NT2406.0180)**

031...NT001/Mẫu nước thải trước hệ thống xử lý

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT	
					Cột A	Cmax - Cột A
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2017	33,1	40	40
2	pH	-	TCVN 6492:2011	7,58	6 ÷ 9	6 ÷ 9
3	Độ màu	Pt-Co	TCVN 6185C:2015	14,07	50	50
4	BOD_5 (20°C)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	21,6	30	24,3
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	35,4	75	60,75
6	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	1,81	5	4,05
7	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	**22,3**	20	16,2
8	Chất rắn lơ lửng	mg/L	TCVN 6225:2000	**91,9**	50	40,5
9	Tổng Phốt pho	mg/L	TCVN 6202:2008	**7,72**	4	3,24
10	Sunfua (S^{2-})	mg/L	TCVN 6637:2000	KPH (LOD=0,05)	0,2	0,162
11	Clorua (Cl^-)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	124,27	500	405
12	Florua (F^-).	mg/L	TCVN 6494-1:2011	0,83	5	4,05
13	Crom III (Cr^{3+})	mg/L	TCVN 6658:2000 + SMEWW 3111B:2017	KPH (LOD=0,012)	0,2	0,162
14	Thủy ngân (Hg)	mg/L	TCVN 7877:2008	KPH (LOD=0,0003)	0,005	0,00405
15	Crom VI (Cr^{6+})	mg/L	TCVN 6658:2000	KPH (LOD=0,015)	0,05	0,0405
16	Chì (Pb)	mg/L	TCVN 6665: 2011	KPH (LOD=0,002)	0,1	0,081

1. *Mẫu quan trắc là mẫu mà VNST chịu trách nhiệm thực hiện đo đạc, lấy mẫu và phân tích, ngoại trừ các chỉ tiêu VNST sử dụng đơn vị thầu phụ thực hiện (nếu có);*
2. *Kết quả quan trắc trong phiếu này thể hiện cho mẫu tại thời điểm lấy mẫu, đo đạc và phân tích;*
3. *Thông tin về mẫu, khách hàng và ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) được ghi nhận theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Thời gian lưu mẫu quan trắc là 14 ngày, kể từ ngày nhận mẫu hoặc mẫu được lưu theo thời gian đã thỏa thuận với khách hàng;*
5. *Kết quả trong phiếu này không được sao chép dưới mọi hình thức khi chưa được sự đồng ý của "Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D)".*

17	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114B:2017	KPH (LOD=0,0005)	0,05	0,0405
18	Cadimi (Cd)	mg/L	TCVN 6665: 2011	KPH (LOD=0,002)	0,05	0,0405
19	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (LOD=0,01)	2	1,62
20	Tổng Xyanua (CN^-)	mg/L	SMEWW 4500-CN^- C&E:2017	KPH (LOD=0,003)	0,07	0,0567
21	Kẽm (Zn)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (LOD=0,01)	3	2,43
22	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (LOD=0,01)	0,5	0,405
23	Niken (Ni)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (LOD=0,01)	0,2	0,162
24	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,22	1	0,81
25	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	0,96	5	4,05
26	Tổng Phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	KPH (LOD=0,001)	0,1	0,081
27	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	KPH (LOD=0,2)	1	0,81
28	Tổng PCB_s	mg/L	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + TCVN 9241:2012	KPH (LOD=0,00001)	0,003	0,00243
29	Coliform	Vi khuẩn/ 100mL	TCVN 6187-1:2019	450	3.000	3.000

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
- Cmax - Cột A: $K_f = 0,9$ và $K_q = 0,9$;
- KPH: Không phát hiện trong giới hạn phát hiện của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

1. *Mẫu quan trắc là mẫu mà VNST chịu trách nhiệm thực hiện đo đạc, lấy mẫu và phân tích, ngoại trừ các chỉ tiêu VNST sử dụng đơn vị thầu phụ thực hiện (nếu có);*
2. *Kết quả quan trắc trong phiếu này thể hiện cho mẫu tại thời điểm lấy mẫu, đo đạc và phân tích;*
3. *Thông tin về mẫu, khách hàng và ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) được ghi nhận theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Thời gian lưu mẫu quan trắc là 14 ngày, kể từ ngày nhận mẫu hoặc mẫu được lưu theo thời gian đã thỏa thuận với khách hàng;*
5. *Kết quả trong phiếu này không được sao chép dưới mọi hình thức khi chưa được sự đồng ý của "Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D)".*

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM (VNST)
Phòng thử nghiệm Nghiên cứu & Phát triển Kỹ thuật Môi trường (VILAS 772 – VIMCERTS 121)
Địa chỉ: Tòa nhà VNST, BTSL2-2 KĐT mới Tân Tây Đô, Xã Tân Lập, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội
Tel: 024.22463777 Email: vnst@vnst-jsc.vn Web: vnst-jsc.vn

KẾT QUẢ QUAN TRẮC

(Mã hóa mẫu: **NT2406.0181)**

031...NT002/Nước thải tại vị trí cửa xả nước thải KCN vào sông Bún (Nước thải tại vị trí cửa xả thải sau xử lý từ nhà máy xử lý nước thải tập trung)

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT	
					Cột A	Cmax - Cột A
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2017	33,5	40	40
2	pH	-	TCVN 6492:2011	7,37	6 ÷ 9	6 ÷ 9
3	Độ màu	Pt-Co	TCVN 6185C:2015	<9	50	50
4	BOD_5 (20°C)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	6,2	30	24,3
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	14,5	75	60,75
6	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH (LOD=0,01)	5	4,05
7	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	7,5	20	16,2
8	Chất rắn lơ lửng	mg/L	TCVN 6225:2000	<12	50	40,5
9	Tổng Phốt pho	mg/L	TCVN 6202:2008	3,17	4	3,24
10	Sunfua (S^{2-})	mg/L	TCVN 6637:2000	KPH (LOD=0,05)	0,2	0,162
11	Clorua (Cl^-)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	177,88	500	405
12	Florua (F^-).	mg/L	TCVN 6494-1:2011	1,47	5	4,05
13	Crom III (Cr^{3+})	mg/L	TCVN 6658:2000 + SMEWW 3111B:2017	KPH (LOD=0,012)	0,2	0,162
14	Thủy ngân (Hg)	mg/L	TCVN 7877:2008	KPH (LOD=0,0003)	0,005	0,00405
15	Crom VI (Cr^{6+})	mg/L	TCVN 6658:2000	KPH (LOD=0,015)	0,05	0,0405
16	Chì (Pb)	mg/L	TCVN 6665: 2011	KPH (LOD=0,002)	0,1	0,081
17	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114B:2017	KPH (LOD=0,0005)	0,05	0,0405

1. *Mẫu quan trắc là mẫu mà VNST chịu trách nhiệm thực hiện đo đạc, lấy mẫu và phân tích, ngoại trừ các chỉ tiêu VNST sử dụng đơn vị thầu phụ thực hiện (nếu có);*
2. *Kết quả quan trắc trong phiếu này thể hiện cho mẫu tại thời điểm lấy mẫu, đo đạc và phân tích;*
3. *Thông tin về mẫu, khách hàng và ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) được ghi nhận theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Thời gian lưu mẫu quan trắc là 14 ngày, kể từ ngày nhận mẫu hoặc mẫu được lưu theo thời gian đã thỏa thuận với khách hàng;*
5. *Kết quả trong phiếu này không được sao chép dưới mọi hình thức khi chưa được sự đồng ý của "Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D)".*

18	Cadimi (Cd)	mg/L	TCVN 6665: 2011	KPH (LOD=0,002)	0,05	0,0405
19	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (LOD=0,01)	2	1,62
20	Tổng Xyanua (CN^-)	mg/L	SMEWW 4500-CN^- C&E:2017	KPH (LOD=0,003)	0,07	0,0567
21	Kẽm (Zn)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (LOD=0,01)	3	2,43
22	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (LOD=0,01)	0,5	0,405
23	Niken (Ni)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (LOD=0,01)	0,2	0,162
24	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,05	1	0,81
25	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	KPH (LOD=0,3)	5	4,05
26	Tổng Phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	KPH (LOD=0,001)	0,1	0,081
27	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	KPH (LOD=0,2)	1	0,81
28	Tổng PCB_s	mg/L	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + TCVN 9241:2012	KPH (LOD=0,00001)	0,003	0,00243
29	Coliform	Vi khuẩn/ 100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH	3.000	3.000

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
- Cmax - Cột A: $K_f = 0,9$ và $K_q = 0,9$;
- KPH: Không phát hiện trong giới hạn phát hiện của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Giá trị sau dấu "<" là giá trị giới hạn báo cáo của phương pháp (RL).

1. *Mẫu quan trắc là mẫu mà VNST chịu trách nhiệm thực hiện đo đạc, lấy mẫu và phân tích, ngoại trừ các chỉ tiêu VNST sử dụng đơn vị thầu phụ thực hiện (nếu có);*
2. *Kết quả quan trắc trong phiếu này thể hiện cho mẫu tại thời điểm lấy mẫu, đo đạc và phân tích;*
3. *Thông tin về mẫu, khách hàng và ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) được ghi nhận theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Thời gian lưu mẫu quan trắc là 14 ngày, kể từ ngày nhận mẫu hoặc mẫu được lưu theo thời gian đã thỏa thuận với khách hàng;*
5. *Kết quả trong phiếu này không được sao chép dưới mọi hình thức khi chưa được sự đồng ý của "Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D)".*